

**TỔNG HỢP KINH THỰC HIỆN PHỤ CẤP ƯU ĐÃI THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 182/2026/NĐ-CP ngày 22/5/2026 CỦA CHÍNH PHỦ
VÀ PHỤ CẤP KHU VỰC THEO THÔNG TƯ SỐ 15/2026/TT-BNV ngày 30/6/2026 CỦA BỘ NỘI VỤ**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /9/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng

TT	Đơn vị	Tổng kinh phí bổ sung, trong đó	Đối với viên chức, người lao động trong chỉ tiêu giao		Đối với hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ theo NQ14/NQ-HĐND	
			Phụ cấp ưu đãi theo nghề	Phụ cấp khu vực	Phụ cấp ưu đãi theo nghề	Phụ cấp khu vực
A	B	1=2+3+4+5	2	3	4	5
I	Loại khoản 070 - 074					
1	Trường THPT Thái Phiên	1.565.523.000	1.565.523.000	-		
2	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	2.287.854.000	2.287.854.000	-		
3	Trường THPT Trần Phú	1.648.044.000	1.648.044.000	-		
4	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn	1.341.524.000	1.341.524.000	-		
5	Trường THPT Hòa Vang	958.621.000	958.621.000	-		
6	Trường THPT Phan Châu Trinh	2.509.872.000	2.509.872.000	-		
7	Trường THPT Tiểu La	955.154.000	955.154.000	-		
8	Trường THPT Thái Phiên - Thăng Bình	983.886.000	983.886.000	-		
9	Trường THPT Quế Sơn	808.083.000	802.467.000	5.616.000		
10	Trường THPT Trần Đại Nghĩa	550.942.000	550.942.000	-		
11	Trường THPT Hiệp Đức	542.732.000	542.732.000	-		-
12	Trường THPT Trần Cao Vân	1.295.738.000	1.295.738.000	-		
13	Trường THPT Núi Thành	1.194.892.000	1.194.892.000	-		
14	Trường THPT Nguyễn Duy Hiệu	1.010.554.000	1.010.554.000	-		
15	Trường THPT Lê Hồng Phong	740.549.000	737.741.000	2.808.000		
16	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ	822.878.000	822.878.000	-		
17	Trường THPT Nông Sơn	622.067.000	604.475.000	-	14.784.000	2.808.000
18	Trường THPT Hoàng Diệu	822.742.000	822.742.000	-		
19	Trường THPT Phạm Phú Thứ - Gò Nổi	552.028.000	552.028.000	-		
20	Trường THPT Trần Quý Cáp	820.833.000	820.833.000	-		
21	Trường THPT Nguyễn Trãi - Hội An	852.403.000	852.403.000	-		
22	Trường THPT Sào Nam	818.411.000	818.411.000	-		
23	Trường THPT Nguyễn Hiền - Duy Xuyên	687.492.000	690.300.000	(2.808.000)		
24	Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển	1.273.729.000	908.689.000	365.040.000		
25	Trường THPT Chu Văn An	1.187.851.000	820.003.000	367.848.000		
26	Trường THPT Huỳnh Ngọc Huệ	808.019.000	808.019.000	-		
27	Trường THPT Lương Thúc Kỳ	812.226.000	812.226.000	-		
28	Trường THPT Thanh Khê	972.382.000	972.382.000	-		
29	Trường THPT Nguyễn Dục	856.254.000	710.238.000	146.016.000		
30	Trường THPT Võ Nguyên Giáp	754.448.000	754.448.000	-		
31	Trường THPT Tôn Thất Tùng	944.312.000	944.312.000	-		
32	Trường THPT Phan Bội Châu	1.214.808.000	1.214.808.000	-		
33	Trường THPT Lê Quý Đôn	1.052.360.000	1.052.360.000	-		
34	Trường THPT Trần Văn Dư	689.862.000	689.862.000	-		
35	Trường THPT Quang Trung - Đông Giang	421.172.000	421.172.000	-	-	-
36	Trường THPT Tổ Hữu	520.266.000	520.266.000	-	-	-
37	Trường THPT Cao Bá Quát	1.019.511.000	1.019.511.000	-		
38	Trường THPT Lương Thế Vinh	1.223.922.000	1.223.922.000	-		
39	Trường THPT Lý Tự Trọng	686.607.000	563.055.000	123.552.000		
40	Trường THPT Khâm Đức	2.165.971.000	2.123.851.000	42.120.000		
41	Trường THPT Nguyễn Thái Bình	1.064.915.000	1.064.915.000	-		
42	Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng	1.023.333.000	843.621.000	179.712.000	-	-
43	Trường THPT Phan Châu Trinh - Tiên Phước	867.583.000	708.931.000	158.652.000	-	-

TT	Đơn vị	Tổng kinh phí bổ sung, trong đó	Đối với viên chức, người lao động trong chỉ tiêu giao		Đối với hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ theo NQ14/NQ-HĐND	
			Phụ cấp ưu đãi theo nghề	Phụ cấp khu vực	Phụ cấp ưu đãi theo nghề	Phụ cấp khu vực
44	Trường PTDTNT THPT Quảng Nam	605.498.000	598.927.000	-	6.571.000	-
45	Trường THPT Nguyễn Thương Hiền	907.282.000	907.282.000	-		
46	Trường THPT Phạm Phú Thứ	944.218.000	944.218.000	-		
47	Trường THCS&THPT Nguyễn Khuyến	1.296.257.000	1.296.257.000	-		
48	Trường THPT Nguyễn Huệ	1.012.360.000	1.012.360.000	-		
49	Trường THPT Nguyễn Khuyến	882.803.000	882.803.000	-		
50	Trường THPT Phan Thành Tài	988.966.000	988.966.000	-		
51	Trường THPT Ông Ích Khiêm	1.590.403.000	1.295.839.000	294.564.000		
52	Trường THPT Ngô Quyền	1.064.999.000	1.064.999.000	-		
53	Trường THPT Nguyễn Trãi	1.159.296.000	954.312.000	204.984.000		
54	Trường TH, THCS và THPT Ngũ Hành Sơn	957.059.000	957.059.000	-		
55	Trường THPT Nguyễn Hiền	1.300.161.000	1.300.161.000	-		
56	Trường THPT Nam Trà My	1.640.467.000	1.620.811.000	19.656.000		
57	Trường THPT Bắc Trà My	900.348.000	886.308.000	14.040.000		
58	Trường THPT Tây Giang	1.102.960.000	1.102.960.000	-	-	-
59	Trường THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm	986.836.000	986.836.000	-		
60	Trường THPT Trần Hưng Đạo	665.041.000	665.041.000	-		
61	Trường THPT Trần Phú - Việt An	396.981.000	318.806.000	60.372.000	6.571.000	11.232.000
62	Trường THPT Âu Cơ	1.362.750.000	1.333.182.000	-	29.568.000	-
63	Trường PTDTNT THPT và THCS Nước Oa	524.057.000	479.073.000	7.020.000	19.712.000	18.252.000
64	Trường PTDTNT THPT và THCS Nam Trà My	348.071.000	328.359.000	-	19.712.000	-
65	Trường PTDTNT THPT và THCS Phước Sơn	270.795.000	284.835.000	(14.040.000)		
66	Trường THPT Duy Tân	1.018.933.000	1.018.933.000	-		
67	Trường THPT Nguyễn Văn Trỗi	573.646.000	573.646.000	-		
68	Trường THPT Hùng Vương	891.433.000	891.433.000	-		
69	Trường THPT Cẩm Lệ	900.722.000	900.722.000	-		
70	Trường THPT chuyên Lê Thánh Tông	944.648.000	944.648.000	-		
71	Trường THPT Liên Chiểu	1.067.091.000	699.243.000	367.848.000		
72	Trường THPT Võ Chí Công	597.936.000	597.936.000	-		
73	Trường THPT Hồ Nghinh	703.064.000	703.064.000	-		
74	Trường THPT Võ Chí Công - Hùng Sơn	238.399.000	218.687.000	-	19.712.000	-
75	Trường THPT Sơn Trà	799.016.000	799.016.000	-		
76	Trường THPT Nguyễn Văn Thoại	771.226.000	771.226.000	-		
II	Loại khoản 070 - 075					
1	Trung tâm GDTX Số 1	469.427.000	469.427.000	-		
2	Trung tâm GDTX Số 2	588.444.000	588.444.000	-		
3	Trung tâm GDTX Số 3	692.613.000	692.613.000	-		
III	Loại khoản 070 - 072					
1	Trường Chuyên biệt Tương Lai	862.336.000	862.336.000	-		
2	Trung tâm Hỗ trợ PTGD hòa nhập	765.242.000	765.242.000	-		
IV	Loại khoản 070 - 098					
1	Văn phòng Sở GDĐT Đà Nẵng	102.863.000	102.863.000	-		
	TỔNG CỘNG	76.847.000.000	74.355.078.000	2.343.000.000	116.630.000	32.292.000